

Vùng cẳng tay sau (regio antebrachii posterior)

Cấu tạo

Da mềm, dày hơn vùng cẳng tay trước và kém di động.

Tổ chức tế bào dưới da ở nam mỏng hơn nữ, trong lớp này có mạng lưới tĩnh mạch nhỏ và các nhánh thần kinh nông: thần kinh bì cẳng tay trong ở trong và thần kinh cơ bì ở ngoài.

Mạc nông rất dày, nhất là ở phía trên.

Cơ vùng cẳng tay sau

Có nhiều cơ xếp thành 2 lớp cơ, 1 lớp nông và 1 lớp sâu. Lớp nông có 2 nhóm cơ ngoài và trong.

Lớp nông

* Nhóm ngoài lớp nông có 3 cơ đi dọc phía ngoài xương quay.

Cơ ngửa dài hay cơ cánh tay quay (m. brachioradialis): bám ở bờ ngoài xương cánh tay từ rãnh xoắn đến cách mỏm trên lồi cầu 3 chỉ xuống dưới bám vào mỏm trên quay, là cơ tùy hoành của động mạch quay. Động tác gấp cẳng tay và sắp ngửa cẳng tay khi ở tư thế đối diện.

Cơ quay I hay cơ duỗi cổ tay quay dài (m. extensor carpi radialis longus) bám từ bờ ngoài xương cánh tay xuống dưới bám vào xương đốt bàn tay II phía mu tay. Động tác duỗi và dạng bàn tay, cố định cổ tay khi gấp- duỗi các ngón tay.

Cơ quay II hay cơ duỗi cổ tay quay ngắn (m. extensor carpi radialis brevis): bám từ mỏm trên lồi cầu xuống dưới bám vào mỏm châm đốt bàn tay III ở phía mu tay. Động tác duỗi và dạng cổ tay.

* Nhóm sau lớp nông có 4 cơ:

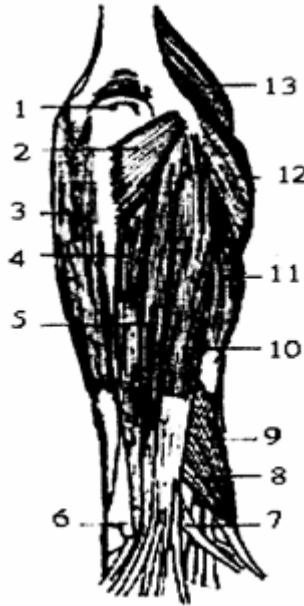
Cơ khuỷu (m. anconeus): bám từ mỏm trên lồi cầu xuống dưới bám vào mặt sau mỏm khuỷu. Coi như 1 phần cơ rộng trong. Tác dụng duỗi cẳng tay. - Cơ duỗi các ngón tay (m. extensor digitorum) hay cơ duỗi chung: bám từ mỏm trên lồi cầu. Thân cơ chạy rất nông dọc theo bờ trong cơ quay II xuống dưới chia làm 4 bó gân cho 4 ngón tay (trừ ngón cái), mỗi bó gân lại chia ra làm 4 chế: một chế bám vào nền đốt nhất ngón tay, một chế bám vào nền đốt nhì, còn hai chế tới bám vào sườn đốt III của các ngón tay II, III, IV, V. Tác dụng duỗi ngón tay và cổ tay.

Cơ duỗi ngón út (m. extensor digiti minimi): là cơ nhỏ tăng cường cho cơ duỗi chung, bám từ mỏm trên lồi cầu chạy xuống đi giữa cơ trụ sau và cơ duỗi chung tới mu tay thì chạy chéo đến ngón út để bám vào gân cơ duỗi chung. Tác dụng duỗi ngón út.

Cơ trụ sau hay cơ duỗi cổ tay trụ (m. extensor carpi ulnaris): bám từ bờ sau xương trụ, mặt sau xương trụ, mỏm trên lồi cầu xuống dưới bám vào nền xương đốt bàn

tay V phía mu tay. Tác dụng duỗi và khép bàn tay, cố định cổ tay trong lúc gấp và duỗi ngón tay.

1. Mỏm khuỷu
2. Cơ khuỷu
3. Cơ gấp cổ tay trụ
4. Cơ duỗi cổ tay trụ
5. Cơ duỗi ngón tay út
6. Mỏm trâm trụ
7. Cơ duỗi dài ngón cái
8. Cơ duỗi ngắn ngón cái
9. Cơ dạng dài ngón cái
10. Cơ duỗi các ngón tay
11. Cơ duỗi cổ tay quay ngắn
12. Cơ duỗi cổ tay quay dài
13. Cơ cánh tay quay



Hình 2.44. Cơ vùng cẳng tay sau lớp nông

Lớp sâu

Có 5 cơ:

Cơ dạng dài ngón cái (m. abductor pollicis longus): bám từ màng liên cốt, mặt sau 2 xương cẳng tay xuống dưới gân cơ dạng dài ngón cái bắt chéo các gân cơ quay ở phía sau rồi chạy tới bám vào nền xương đốt bàn tay I ở mu tay. Tác dụng dạng ngón cái và bàn tay.

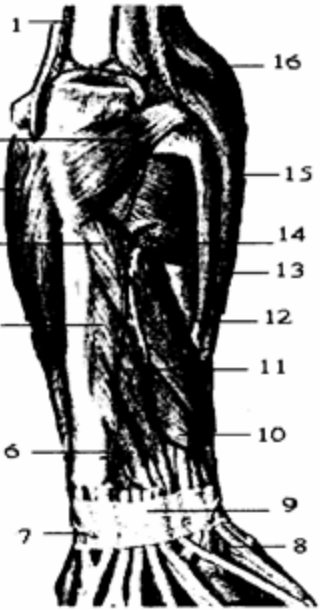
Cơ duỗi ngắn ngón cái (m. extensor pollicis brevis): bám 1/3 giữa mặt sau 2 xương cẳng tay và màng liên cốt xuống bám vào đốt I của ngón cái. Tác dụng duỗi đốt I ngón cái và dạng bàn tay.

Cơ duỗi dài ngón cái (m. extensor pollicis longus): bám từ 1/3 giữa mặt sau xương trụ, màng liên cốt, gân cơ chạy chéo xuống dưới ra ngoài tới bám vào đốt II của ngón cái, cùng gân cơ duỗi ngắn ngón cái giới hạn nên hõm lào giải phẫu. Tác dụng duỗi đốt II ngón cái và dạng bàn tay. Tác dụng duỗi đốt I ngón I và dạng bàn tay.

Cơ duỗi ngón trỏ (m. extensor indicis): bám từ 1/3 dưới mặt sau xương trụ màng liên cốt xuống bám vào gân cơ duỗi chung của ngón trỏ. Tác dụng duỗi đốt 3 ngón trỏ.

Cơ ngửa ngắn (m. supinator): cơ này có 2 bó, bó nông bám vào mỏm trên lồi cầu, bó sâu bám vào xương trụ (mặt sau hõm Sigma bé) cả hai bó trên quấn vòng

quanh đầu trên xương quay rồi tới bám vào cổ xương quay 1/3 trên mặt sau, mặt ngoài mặt trước xương quay. Tác dụng ngửa cẳng tay và bàn tay.

	<p>ĐM bên trụ trên Cơ khuỷu Cơ gấp cổ tay trụ (cơ trụ trước) Cơ dạng dài ngón cái Cơ duỗi dài ngón cái Cơ duỗi ngón trỏ Thần kinh trụ ĐM quay (trong hố lồi) Mạc hãm gân duỗi Cơ duỗi ngắn ngón cái ĐM gian cốt sau Nhánh s8u thần kinh quay Cơ quay II Cơ ngửa ngắn Cơ quay I Cơ ngửa dài</p>
<p>Hình 2.45. Mạch thần kinh khu cẳng tay sau</p>	

Mạch thần kinh

Động mạch liên cốt sau (arteria interossea posterior)

Là nhánh sau của động mạch liên cốt.

thần kinh quay

Nhánh vận động: phân nhánh cho các cơ vùng cẳng tay sau.

Nhánh cảm giác: sau khi vòng quanh xương quay chạy ra nông vào mu tay.